

Số: 169/2019/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 07 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 144/2019/TLST-HNGĐ ngày 31/5/2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông **Lương Văn T**, sinh năm 1964

Địa chỉ: K54/06/H7 đường Nguyễn Công T, tổ 02, phường A, quận S, thành phố Đ.

2. Bà **Lê Thị Mỹ D**, sinh năm 1983

Nơi ĐKKHTT: K54/06/H7 đường Nguyễn Công T, tổ 02, phường A, quận S, thành phố Đ.

Tạm trú tại: Tổ 20, phường H, quận C, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T, bà D đăng ký và được Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/3/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại K54/06/H7 đường Nguyễn Công T, tổ 02, phường A, quận S, thành phố Đ. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến cuối năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Hiện ông T, bà D xác định không còn tình cảm nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông T, bà D.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T, bà D đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông T, bà D.

[2] Về con chung: Ông T và bà D xác định có 01 con chung Lương Chí Thanh, sinh ngày 26/6/2018. Thuận tình ly hôn, ông T và bà D thỏa thuận: Giao con Lương Chí T cho bà Lê Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lương Văn T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 6/2019.

Xét, ông T và bà D tự nguyện thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con của ông T và bà D.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà D xác định không có nên không đề cập đến.

[4] Về lệ phí HNGĐ sơ thẩm: Ông T và bà D mỗi người chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông T, bà D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0007871 ngày 30/5/2019. Ông T và bà D đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn lập ngày 30 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Văn T và bà Lê Thị Mỹ D thống nhất thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2018, do Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đ cấp ngày 06/3/2018 không còn giá trị pháp lý)

- Về con chung: Ông T và bà D xác định có 01 con chung Lương Chí T, sinh ngày 26/6/2018. Thuận tình ly hôn, ông T và bà D thỏa thuận: Giao con Lương Chí T cho bà Lê Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lương Văn T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 6/2019.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà D xác định không có.

2. Về lệ phí HNGĐ sơ thẩm: Ông T và bà D mỗi người chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông T, bà D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0007871 ngày 30/5/2019. Ông T và bà D đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND quận Sơn Trà;*
- *UBND phường An Hải Tây;*
- *Chi cục THADS quận Sơn Trà;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Ngô Đức Tài